

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2019/QĐST-**HNGĐ**

Quảng Xương, ngày 25 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 267/2018/TLST-VDS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Th, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Lê Văn Ng, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/01/2019 chị Lê Thị D và anh Lê Văn Ng thừa nhận đã đăng ký kết hôn ngày 20/9/2013 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ng không chung thủy, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị D và anh Ng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Chị D và anh Ng thống nhất thỏa thuận vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Vân A, sinh ngày 09/8/2014. Chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Thị Vân A, anh Ng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu Vân A tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Chị D và anh Ng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị D và anh Ng thống nhất, chị D chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/01/2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Lê Thị D và anh Lê Văn Ng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị D và anh Ng thống nhất thỏa thuận vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Vân A, sinh ngày 09/8/2014. Chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Thị Vân A, anh Ng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu Vân A đủ 18 tuổi.

Anh Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị D và anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị D chịu 300.000 đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001395 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Dung